

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ 1
MÔN: NGỮ VĂN 11 – NĂM HỌC 2024-2025

A/ Giới hạn chương trình: *Hết tuần 8 - PPCT*

B/ Cấu trúc đề thi

- Đề thi **tự luận**, thời gian: **90 phút**
- Gồm 2 phần: **Độc hiểu** (4,0 điểm) và **Viết** (6,0 điểm).
- + Đọc hiểu: **05 câu hỏi** (theo các mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng).
- + Viết: Nghị luận xã hội hoặc nghị luận văn học :

Câu 1 : 2,0 điểm : Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ)

Câu 2 : 4,0 điểm : Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ)

C/ Kiến thức cần ôn tập

I/ Kiến thức đọc hiểu và câu hỏi liên quan

- Thể loại văn bản, ngôi kể, điểm nhìn, nhân vật trữ tình, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ, xác định từ ngữ, hình ảnh...
- Các biện pháp tu từ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và tác dụng/hiệu quả nghệ thuật (chú ý ôn tập biện pháp lặp cấu trúc cú pháp, biện pháp tu từ đối).
- Nội dung/chủ đề/đặc sắc nghệ thuật văn bản...
- Ý nghĩa từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, câu/ đoạn, văn bản...
- Nhận xét, giải thích, bày tỏ quan điểm về một vấn đề mà tác giả thể hiện trong văn bản.
- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề từ một vấn đề nào đó từ trong đoạn trích/tác phẩm; nêu thông điệp/ bài học có ý nghĩa nhất và lí giải, ...

*** Lưu ý hướng dẫn HS cách trả lời một số dạng câu hỏi đọc hiểu có thể gặp trong đề thi.**

II/ Kiến thức phục vụ phần Viết

1/ Kiến thức Ngữ văn

a/ Kiến thức trọng tâm

- Thơ và truyện thơ
- Thơ văn Nguyễn Du
- Truyện

Lưu ý:

- + Đọc kĩ, nắm chắc phần kiến thức Ngữ văn trong SGK.
- + Ngữ liệu trong đề thi là những văn bản, đoạn văn bản nằm ngoài chương trình (cùng thể loại với những văn bản đã học).

b/ Yêu cầu cần đạt

Thơ và truyện thơ	Thơ văn Nguyễn Du
- Nhận biết và vận dụng những hiểu biết về thơ trữ tình, phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình (ngôn từ, hình thức bài thơ, ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ,...) và đặc điểm của truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm (đề tài, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, ngôn ngữ, chi tiết, bút pháp, đối thoại và độc thoại nội tâm,...). - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân,...	- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Du. - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử, tác giả, truyện thơ Nôm, thể loại thơ Đường luật để phân tích, cảm nhận đoạn trích tiêu biểu trong Truyện Kiều, thơ chữ Hán của Nguyễn Du. - Hiểu được vẻ đẹp tâm hồn, tài năng cùng những đóng góp to lớn của đại thi hào Nguyễn Du đối với sự phát triển của văn học dân tộc.

***Kiến thức về truyện :** - Nhận biết, phân tích, đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề chính và chủ đề phụ, tư tưởng, các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh,...) và hình thức (ngôi kể, điểm nhìn, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, tình huống truyện, chi tiết quan trọng, không gian, thời gian, lời nhân

vật, người kể chuyện hạn tri, toàn tri, lời nhân vật, sự thay đổi điểm nhìn...) của các văn bản truyện; so sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài.

- Chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

+ **Chủ đề** là vấn đề cơ bản đặt ra trong văn bản. Những tác phẩm văn học lớn thường mang nhiều chủ đề, có chủ đề chính và chủ đề phụ.

+ **Chủ đề chính** là chủ đề quán xuyến toàn bộ văn bản. **Chủ đề phụ** là chủ đề được thể hiện qua các nhân vật hoặc tình tiết riêng lẻ.

-Tác dụng của sự thay đổi điểm nhìn trong truyện.

Trong quá trình trần thuật, điểm nhìn có thể được chuyển từ người kể chuyện sang nhân vật, từ nhân vật này sang nhân vật khác, giúp đi sâu vào nội tâm nhân vật, mở rộng khả năng bao quát, nhận xét, đánh giá của người trần thuật. Song, xét đến cùng, mọi cách nhìn, xuất phát từ mọi điểm nhìn đều trực tiếp hoặc gián tiếp thể hiện quan niệm, tư tưởng, thái độ của nhà văn.

-Giá trị văn hóa và triết lí nhân sinh trong văn học.

+ **Mỗi tác phẩm văn học là sản phẩm của một nền văn hóa, phản ánh giá trị văn hóa cộng đồng nơi tác phẩm sinh thành**

+ **Triết lí nhân sinh trong văn học** là quan niệm và sự lí giải của nhà văn về các vấn đề chung liên quan đến cuộc sống, số phận con người, sự tồn tại và phát triển của xã hội. Triết lí nhân sinh thường biểu hiện trực tiếp qua lời người kể chuyện.

2/ Các kiểu bài viết

- Viết bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí (về một câu cách ngôn hoặc một vấn đề xã hội được gợi ra từ đoạn trích/ tác phẩm).

- Viết bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (về một đoạn trích/tác phẩm văn học hoặc một bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng,...)

D/ Đề thi tham khảo/ luyện tập

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH

(Đề gồm có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 NĂM HỌC 2023-2024 Môn: NGỮ VĂN – Lớp 11

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TỪ ẤY

Tố Hữu

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá*

Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

*Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.*

*Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha¹
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ²...*

Tháng 7 - 1938

(Tố Hữu, *Thơ*, NXB Giáo dục, 2002)

Chú thích:

Tố Hữu (1920-2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê ở Thừa Thiên Huế, được xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Năm 1938, nhà thơ được kết nạp vào Đảng Cộng sản, là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời, ghi nhận kỉ niệm đáng nhớ ấy với cảm xúc, suy tư sâu sắc, ông viết bài thơ *Từ ấy*, in trong tập thơ cùng tên. *Từ ấy* là thời điểm Tố Hữu được đón nhận lý tưởng cộng sản đã làm thay đổi cảm xúc, nhận thức và tình cảm trong nhà thơ.

(1) *Kiếp phôi pha*: những kiếp sống mòn mỏi, đáng thương

(2) *Cù bất cù bơ*: bơ vơ không nơi nương tựa

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2: Xác định nhân vật trữ tình của văn bản.

Câu 3: Tác giả đã sử dụng những hình ảnh nào để chỉ lý tưởng và thể hiện niềm vui sướng, say mê của nhân vật trữ tình trong các câu thơ:

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...*

Câu 4: Hãy chỉ ra những từ ngữ bộc lộ sự gắn bó, đồng cảm giữa nhân vật trữ tình và *mọi người, trăm nơi, bao hồn khổ* trong các câu thơ:

*Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.*

Câu 5: Nhận xét tình cảm của nhân vật trữ tình với đại gia đình quần chúng cần lao trong khổ thơ dưới đây:

*Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bắt cù bơ ...*

Câu 6: Theo anh/chị, nhịp thơ được thể hiện như thế nào qua việc sử dụng phép điệp cấu trúc trong các dòng thơ in đậm?

Câu 7: Từ văn bản trên, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của bản thân về sức mạnh của tinh thần đoàn kết (khoảng 5 -7 dòng).

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Học sinh chọn một trong hai đề văn sau:

Câu 1: Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: *Tuổi trẻ không có lý tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời* (Belinski).

Câu 2: Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích những nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ *Từ ấy* (Tố Hữu).

----- **HẾT** -----

Câu	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)		
1	Văn bản trên được viết theo thể thơ: Tự do/Bảy chữ <i>Hướng dẫn chấm:</i> HS có thể trả lời một trong hai cách đều đạt điểm tối đa.	0,5
2	Nhân vật trữ tình của văn bản: tôi/ tác giả <i>Hướng dẫn chấm:</i> HS có thể trả lời một trong hai cách đều đạt điểm tối đa.	0,5
3	Hình ảnh chỉ lý tưởng và thể hiện niềm vui sướng, say mê của nhân vật trữ tình: nắng hạ, mặt trời chân lý, chói qua tim, vườn hoa lá, đậm hương, rộn tiếng chim <i>Hướng dẫn chấm:</i> - HS trả lời đúng từ 04 ý trở lên: đạt 0,5 điểm. - HS trả lời đúng từ 02 - 03 ý: đạt 0,25 điểm.	0,5
4	Những từ ngữ bộc lộ sự gắn bó, đồng cảm giữa nhân vật trữ tình và mọi người, trăm nơi, bao hồn khổ: buộc, trang trải, gần gũi, mạnh khối đời <i>Hướng dẫn chấm:</i> Mỗi ý đúng đạt 0,25 điểm.	1,0
5	Tình cảm của nhân vật trữ tình với đại gia đình quần chúng cần lao trong khổ thơ: thương yêu, đồng cảm, sẻ chia, gắn bó, tự nhận mình là thành viên trong đại gia đình quần chúng cần lao. <i>Hướng dẫn chấm:</i> HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa.	1,0
6	Việc sử dụng phép điệp cấu trúc trong các dòng thơ in đậm đã tạo thành nhịp điệu: sôi nổi, thôi thúc, hăm hở, thiết tha... <i>Hướng dẫn chấm:</i> HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa.	1,0
7	<i>Gợi ý:</i> Đoàn kết tạo nên sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn, thử thách; tạo ra những mối quan hệ tốt đẹp; làm cho cuộc sống trở nên có ý nghĩa... <i>Hướng dẫn chấm:</i> HS có cách diễn đạt tương đương vẫn được điểm tối đa.	1,5
II. LÀM VĂN (4,0 điểm)		
1	Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến: Tuổi trẻ không có lý tưởng giống như buổi sáng không có mặt trời (Belinski).	4,0
	a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn HS có thể trình bày bài văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Vai trò quan trọng của lí tưởng đối với tuổi trẻ.	0,5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận HS lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ được suy nghĩ về vấn đề cần nghị luận. Có thể theo hướng sau:	2,75
	* Nếu vấn đề bằng một trong các cách: phản đề, so sánh, đặt câu hỏi...	0,5

	<i>* Giải quyết vấn đề</i> - Giải thích ý kiến bằng cách đặt câu hỏi: Là gì? Tại sao? + <i>Lí tưởng</i> là mục tiêu tốt đẹp, cao cả mà con người đặt ra để phấn đấu đạt tới. + <i>Tuổi trẻ không có lí tưởng sẽ giống như bình minh không có ánh sáng mặt trời?</i> Bởi lí tưởng chỉ đường soi sáng, định hướng cho cuộc đời mỗi người; có lí tưởng con người sẽ có mục đích để phấn đấu vươn lên; lí tưởng cao đẹp là điều kiện để con người sống có ý nghĩa, giúp con người hoàn thiện nhân cách. - Phân tích: Điều đó được thể hiện như thế nào? Luôn suy nghĩ tích cực; trau dồi kiến thức, rèn luyện kĩ năng, tăng cường sức khỏe để phát triển và hoàn thiện bản thân; đặt ra những mục tiêu, kế hoạch cụ thể; sẵn sàng cống hiến vì lợi ích chung của xã hội, đất nước; tham gia các hoạt động vì cộng đồng, phù hợp với khả năng, điều kiện của mình ... - Chứng minh: Bằng chứng cụ thể là gì? Dẫn chứng có thể lấy từ đời sống, trong lịch sử và trong tác phẩm văn học. - Bình luận: Có giá trị và tác động như thế nào? Câu danh ngôn hoàn toàn đúng vì trong cuộc sống, con người không có lí tưởng, không có mục đích thì sẽ không làm được gì cả và nếu mục đích tầm thường thì không làm được điều gì to lớn và có ý nghĩa. Lưu ý: HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vấn đề cần nghị luận; có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	1,75
	<i>* Tổng hợp vấn đề bằng một trong các cách: tóm lược, phát triển, vận dụng, liên tưởng, ...</i>	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - HS huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề cần nghị luận; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. - Đáp ứng được 01 yêu cầu đạt 0,25 điểm.	0,25
2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích những nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ <i>Từ ấy</i> (Tố Hữu).	4,0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ <i>Từ ấy</i> (Tố Hữu).	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	2,75
	<i>* Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Tố Hữu, tác phẩm “Từ ấy”</i>	0,5
	<i>* Phân tích nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ</i>	1,75

- Khái quát về cấu tứ của bài thơ: hình thành dựa trên một sự kiện quan trọng, có tính chất bước ngoặt, làm thay đổi nhận thức, tư tưởng, tình cảm của tác giả; được triển khai từ nhan đề đến các khổ thơ, câu thơ, từ ngữ, hình ảnh ... - Phân tích, đánh giá kết cấu theo bố cục bài thơ: + Nhan đề: <i>Từ ấy</i> là thời điểm Tố Hữu được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam -> điểm tựa cho sự phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ. + Khổ 1: <i>Từ ấy</i> là thời điểm nhân vật trữ tình được tác động mạnh mẽ bởi <i>mặt trời chân lý</i> - hình ảnh ẩn dụ cho lí tưởng Cộng sản, làm thức tỉnh lí trí, tình cảm, hồi sinh tâm hồn, mở ra một cuộc sống mới đầy vui tươi, lạc quan như <i>vườn hoa lá, đậm hương, rộn tiếng chim</i> -> tâm trạng vui sướng, hạnh phúc, hứng khởi. + Khổ 2: <i>Từ ấy</i> là thời điểm nhân vật trữ tình có những chuyển biến lớn về nhận thức, tự nguyện <i>buộc</i> - yêu thương, cảm thông, chia sẻ và gắn kết về ý thức, tấm lòng, tâm hồn với <i>mọi người, trăm nơi, bao hồn khổ</i>, tìm thấy niềm vui, sức mạnh của <i>khối đời chung</i> -> lẽ sống cao đẹp. + Khổ 3: <i>Từ ấy</i> là thời điểm nhân vật trữ tình có những chuyển biến lớn về tình cảm, điệp từ <i>là</i> khẳng định sự hòa nhập cuộc đời mình với cuộc đời chung, vượt lên trên cái tôi cá nhân nhỏ bé -> thương yêu, đồng cảm, sẻ chia, tranh đấu vì những kiếp người cần lao. - Đánh giá tính khái quát của hệ thống hình ảnh trong bài thơ: phong phú, giàu tính hình tượng, tươi sáng, rực rỡ; giàu cảm xúc, biểu đạt sinh động, chân thực. Hướng dẫn chấm: - HS phân tích được đầy đủ các khía cạnh, sâu sắc: 1,5 - 1,75 điểm. - HS phân tích chung chung, chưa đầy đủ các khía cạnh: 0,75 - 1,25 điểm. - HS phân tích sơ sài, không đầy đủ các khía cạnh: 0,25 - 0,5 điểm. Lưu ý: HS kết hợp làm rõ tính khái quát của hình ảnh khi phân tích, đánh giá từng phần vẫn đạt điểm tối đa.	
* Đánh giá Cấu tứ và hệ thống hình ảnh chặt chẽ, sinh động, sáng tạo, góp phần thể hiện thành công mạch cảm xúc của tác phẩm, khi nhân vật trữ tình được giác ngộ lí tưởng Cộng sản, trở thành tuyên ngôn về lẽ sống, về nghệ thuật, góp phần tạo nên phong cách thơ trữ tình - chính trị của Tố Hữu. Hướng dẫn chấm: HS có cách diễn đạt tương đương đạt điểm tối đa.	0,5
d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - HS biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh, mở rộng để làm nổi bật cấu tứ và hệ thống hình ảnh trong bài thơ; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc. - Đáp ứng được 01 yêu cầu đạt 0,25 điểm.	0,25
TỔNG ĐIỂM	10,0

ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

*Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.*

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi sáng sớm, thần Vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian;
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại*

(Vội vàng - Xuân Diệu, Theo *Thơ thơ*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1938)

Chú thích: Xuân Diệu (1916-1985), còn có bút danh là Trảo Nha, tên khai sinh là Ngô Xuân Diệu. Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho, quê ở làng Trảo Nha (nay là xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Xuân Diệu được mệnh danh là nhà thơ “mới nhất trong các nhà thơ mới” (Hoài Thanh). Ông đã đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm hứng mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ, cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo. Ông là nhà thơ của mùa xuân, của tình yêu và tuổi trẻ với một giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thắm thiết. *Vội vàng* được in trong tập *Thơ thơ*, là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám.

Trả lời các câu hỏi/thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra từ ngữ, hình ảnh miêu tả mùa xuân trong đoạn thơ:

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;*

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về ý nghĩa của hai câu thơ:

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già.*

Câu 4. Bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu gọi cho anh/chị suy nghĩ gì về giá trị của thời gian?

Câu 5. Từ quan niệm sống “vội vàng” của Xuân Diệu trong bài thơ, anh/chị suy nghĩ gì về quan niệm sống vội, sống gấp của một bộ phận giới trẻ hiện nay?

*Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt....
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?
Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...*

*Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

II. VIẾT (4,0 điểm)

Câu 1 : Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về ý nghĩa của việc trân trọng thời gian với mỗi người.

Câu 2 : Viết một bài nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau trong bài thơ “*Vội vàng*” (Xuân Diệu).

*“Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi sáng sớm, thần Vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.”*

Đáp án, hướng dẫn chấm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Thể thơ tự do Hướng dẫn chấm: - Thí sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Thí sinh trả lời không đúng: không cho điểm	0.5
	2	Từ ngữ, hình ảnh miêu tả mùa xuân trong đoạn thơ: <i>ong bướm, tuần tháng mật, hoa của đồng nội xanh rì, lá của cành tơ phơ phất, yến anh, khúc tình si.</i> Hướng dẫn chấm: - Thí sinh trả lời được 5 đến 6 từ trong đáp án: 0,5 điểm. - Thí sinh trả lời được 3 đến 4 từ trong đáp án: 0,25 điểm - Thí sinh trả lời không đúng: không cho điểm	0.5
	3	Ý nghĩa của hai câu thơ: <i>Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già.</i> Thí sinh có thể có nhiều cách lí giải, cảm nhận riêng về ý nghĩa của câu thơ nhưng cần đảm bảo tính hợp lí, biết đặt câu thơ trong cả văn bản để lí giải. Sau đây là gợi ý: - xuân: mùa xuân, thời gian, tuổi trẻ → Ý nghĩa của cả câu: thể hiện thái độ sợ hãi, nuối tiếc trước bước đi của thời gian: Quan niệm thời gian một đi không trở lại, trong cái được có cái mất, trong cái đến có cái đi... Hướng dẫn chấm: - Thí sinh trả lời tương tự như đáp án: 1,0 điểm. - Thí sinh chỉ nêu ý nghĩa của cả câu: 0,5 điểm - Thí sinh chỉ giải thích nghĩa của từ “xuân” hoặc trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: không cho điểm.	1.0
	4	Suy nghĩ về giá trị của thời gian: Thí sinh có thể đưa ra nhiều giải pháp khác nhau nhưng cần đảm bảo tính thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là gợi ý:	1.0

		- Thời gian vận hành theo quy luật của tự nhiên khách quan, nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người. - Thời gian cho ta tất cả nhưng cũng lấy đi của ta tất cả. → Vì vậy, chúng ta cần biết quý trọng thời gian, sống trọn vẹn và có ý nghĩa trong từng khoảnh khắc,... Hướng dẫn chấm: - Thí sinh bày tỏ được suy nghĩ một cách hợp lí và thuyết phục: 1,0 điểm. Thí sinh trả lời chung chung không rõ ý: 0,5 điểm. - Thí sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng: không cho điểm.	
	5	Thí sinh có thể đưa ra quan điểm khác nhau nhưng cần đảm bảo tính thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là gợi ý: - Quan niệm sống vội vàng của Xuân Diệu trong bài thơ : sống mãnh liệt, sống hết mình, quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời, nhất là những tháng năm tuổi trẻ để tận hưởng trọn vẹn cuộc sống. Quan niệm sống tích cực. - Quan niệm sống vội, sống gấp của tuổi trẻ: sống bông bột, hấp tấp, buông thả, chỉ thích hưởng thụ cuộc sống; dễ đánh mất mình, có thể để lại những hậu quả đáng tiếc, gây bất ổn xã hội... Quan niệm sống tiêu cực . → Quan niệm sống sai lầm, ích kỉ, đáng bị lên án. Hướng dẫn chấm: - Thí sinh nêu được quan điểm đúng đắn, thuyết phục, lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt: 1,0 điểm. Thí sinh nêu quan điểm chưa rõ ràng, lập luận chưa chặt chẽ, diễn đạt chưa mạch lạc: 0,5 điểm. - Thí sinh không trả lời: không cho điểm.	1.0
II		LÀM VĂN	6.0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) về ý nghĩa của việc trân trọng thời gian với mỗi người.	2.0
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng(khoảng 200 chữ) của đoạn văn .Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : ý nghĩa của việc trân trọng thời gian với mỗi người.	0.25
		c.Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận,sau đây là một số gợi ý : ý nghĩa của việc trân trọng thời gian với mỗi người. - Bày tỏ quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: +Giải thích: Trân trọng thời gian là đề cao tầm quan trọng, quý giá của thời gian đối với cuộc sống con người nhằm thúc đẩy con người để tránh làm mất hoặc lãng phí thời gian. Bên cạnh đó còn là việc biết sử dụng thời gian một cách hợp lí, làm những việc có ích. + Ý nghĩa của việc trân trọng thời gian với mỗi người. .Thời gian qua đi thì sẽ không lấy lại được, nếu chúng ta lãng phí thì sẽ đánh mất đi những cơ hội quý giá và để lại sự hối tiếc cho chính bản thân mình về sau. Thời gian tuy vô hạn nhưng cuộc sống của con người hữu hạn, mỗi người chỉ có thời gian nhất định, nếu muốn làm được nhiều việc thì chúng ta phải trân trọng thời gian . .Khi chúng ta biết trân trọng,tiết kiệm và sử dụng quỹ thời gian hợp lí, chúng ta sẽ làm được nhiều việc có ích cho bản thân mình và xã hội.	0.5

	.Việc quý trọng thời gian của bản thân mình sẽ giúp chúng ta có nhận thức đúng đắn và quý trọng thời gian của người khác. .Người biết quý trọng thời gian sẽ là người sử dụng thời gian hợp lí, cố gắng vươn lên, hoàn thiện bản thân cũng như tận hưởng được trọn vẹn vẻ đẹp của cuộc sống.... + Lấy được dẫn chứng và phân tích dẫn chứng. + Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn: Không ít người sống Trong xã hội vẫn còn rất nhiều người chưa biết quý trọng thời gian, lãng phí thời gian vào những việc làm vô ích, bỏ lỡ nhiều cơ hội quý báu,... những người này đáng bị thẳng thắn phê phán. + Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân. -Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc có thể diễn đạt khác nhưng hợp lí, thuyết phục đạt 0,5 điểm. - HS trả lời được 01 ý đạt 0,25 điểm.	
	d.Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau : -Lựa chọn được các thao tác lập luận ,phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận : ý nghĩa của việc trân trọng thời gian với mỗi người. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý -Lập luận chặt chẽ ,thuyết phục: lí lẽ xác đáng ;bằng chứng tiêu biểu,phù hợp ;kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0.5
	đ.Diễn đạt : Đảm bảo chính tả,dùng từ ,ngữ pháp tiếng Việt ,liên kết câu trong đoạn văn .	0.25
	e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận,có cách diễn đạt mới mẻ .	0.25
2	Viết một bài nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau trong bài thơ “Vội vàng” (Xuân Diệu).	4.0
	a.Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài : Xác định được yêu cầu của kiểu bài : nghị luận văn học	0,25
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau trong bài thơ “Vội vàng” (Xuân Diệu).	0,5
	- Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ: Thí sinh có thể nêu cảm nhận, phân tích, đánh giá đoạn thơ theo nhiều cách hoặc theo quan điểm cá nhân,cần đảm bảo 2 ý cơ bản sau: *Giới thiệu vấn đề cần nghị luận : Tác giả,tác phẩm, giá nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau trong bài thơ “Vội vàng” (Xuân Diệu). *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau trong bài thơ “Vội vàng” (Xuân Diệu). - Chủ đề, tư tưởng của đoạn thơ: - Chủ đề: vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên mùa xuân. - Tư tưởng, cảm xúc: niềm vui sướng, mê say rạo rực, tình yêu cuộc sống tha thiết của chàng trai trẻ tuổi, trẻ lòng; sống cống hiến và hưởng thụ hết mình, trân trọng thời gian, trân trọng những gì đẹp đẽ, ý nghĩa trong cuộc đời. -Những nét nghệ thuật độc đáo - Thể thơ: tám chữ, những câu thơ chạy dài theo mạch cảm xúc tác giả. - Nhịp điệu: 3/2/3 → 2/1/3/2 ...biến đổi linh hoạt, nhanh chóng gấp gáp. Tất cả diễn tả cảm xúc tươi vui hồ hởi, thái độ ham sống, yêu đời của thi nhân. - Hình ảnh thơ:	1.0

	+ Gần gũi, thân quen (nắng gió, hoa lá, ánh sáng, âm thanh); tươi đẹp, tràn đầy sức sống, niềm vui (<i>đồng nội xanh rì, cánh tơ phơ phất, thân vui gõ cửa...</i>); tình tứ, quyến rũ (<i>ong bướm, tuần tháng mật, ngon như một cặp môi gần...</i>) → Thiên nhiên được diễn đạt bằng những hình ảnh mới lạ; ngôn từ gợi cảm, tinh tế với nhiều biện pháp tu từ đặc sắc (nhân hóa, so sánh, điệp ngữ...) - Nhân vật trữ tình: Cái tôi ý thức cá nhân mạnh mẽ với cách nhìn đời trẻ trung qua lăng kính tình yêu. Vẻ đẹp của con người được nhà thơ lấy làm chuẩn mực cho cái đẹp của tự nhiên; tình cảm vừa thiết tha, rạo rực, đắm say vừa vội vàng cuồng quýt do cảm nhận được bước đi của thời gian. → Cái tôi trữ tình được thể hiện bằng giọng điệu say mê; nhịp điệu gấp gáp, từ ngữ táo bạo. *Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ ,bài thơ ,vị trí của tác giả ,sức sống lâu bền của tác phẩm...	
	d.Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau : -Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân -Lựa chọn được các thao tác lập luận,phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận . -Lập luận chặt chẽ ,thuyết phục : lí lẽ xác đáng ;bằng chứng tiêu biểu,phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý : Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ ,quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật .	1, 5
	d.Diễn đạt : Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ,ngữ pháp tiếng Việt,liên kết văn bản	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	TỔNG ĐIỂM	10.0

.....**HẾT**

ĐỀ 3 .

I/ ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau:

*Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương.
Trông vời trời bể mệnh mang,
Thanh gươm yên ngựa, lên đường thẳng rong.*

Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng
Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi”.
Tì rằng: “Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?”

*Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất bóng tinh rợp đường.
Làm cho rõ mặt phi thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy chăng là một năm sau vội gì!”
Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi*

(Chí khí anh hùng - trích Truyện Kiều, Nguyễn Du)

Chú thích:

Cuộc đời Kiều tưởng như bế tắc hoàn toàn khi lần thứ hai rơi vào lầu xanh thì Từ Hải bỗng xuất hiện và đưa Kiều thoát khỏi cảnh ô nhục. Hai người sống hạnh phúc “Trai anh hùng gái thuyền quyên – Phỉ nguyên sánh phượng đẹp duyên cưỡi rồng”. Nhưng Từ Hải không bằng lòng với cuộc sống êm đềm bên cạnh nàng Kiều tài sắc, chàng muốn có sự nghiệp lớn nên sau nửa năm đã từ biệt Kiều ra đi. Đoạn trích (từ câu 2213 đến câu 2230) bao gồm ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ đối thoại cho thấy chí khí của Từ Hải.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 .Thể thơ của văn bản?

Câu 2 . Đoạn trích trên là cuộc đối thoại giữa những nhân vật nào?

Câu 3. Qua đoạn trích, Từ Hải hiện lên là người như thế nào?

Câu 4 . Nhận xét về nghệ thuật miêu tả người anh hùng Từ Hải của tác giả Nguyễn Du.

Câu 5 . Theo anh/chị, nhân vật Từ Hải được xây dựng bằng bút pháp lí tưởng hoá nhưng điều gì khiến hình ảnh chàng lại đẹp kì vĩ mà không xa lạ?

II/ VIẾT

Câu 1 : Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh(chị) về ý kiến : “Bạn chính là người làm chủ số phận mình”.

Câu 2 : Viết một bài nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “Chí khí anh hùng” - trích Truyện Kiều, Nguyễn Du.

Đáp án, hướng dẫn chấm

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Thể thơ lục bát Hướng dẫn chấm: - Thí sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Thí sinh trả lời không đúng: không cho điểm	0.5
	2	Đoạn trích trên là cuộc đối thoại giữa nhân vật Thúy Kiều và Từ Hải. Hướng dẫn chấm: - Thí sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Thí sinh trả lời không đúng: không cho điểm	0.5
	3	Qua đoạn trích, Từ Hải hiện lên: - Là con người của sự nghiệp phi thường, khát vọng làm nên sự nghiệp lớn. - Là con người có chí khí, có sự thống nhất giữa khát vọng phi thường và tình cảm sâu nặng với người tri kỉ. - Là người rất tự tin vào tài năng của bản thân Hướng dẫn chấm: - Thí sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.	1.0

		- Thí sinh chỉ 2 ý : 0,5 điểm - Thí sinh chỉ 1 ý : 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: không cho điểm.	
	4	-Nhận xét về nghệ thuật miêu tả người anh hùng Từ Hải của tác giả Nguyễn Du. - Miêu tả theo bút pháp lí tưởng hóa với những hình ảnh ước lệ và cảm hứng vũ trụ: Xây dựng hình tượng nhân vật có tính ước lệ, hình tượng con người vũ trụ qua từ ngữ, hình ảnh như <i>trượng phu, thanh gươm, trông vời trời bể,...</i>; qua hành động, cử chỉ (<i>lên đường thẳng rong,..</i>);... - Ngôn ngữ trau chuốt tinh vi, chính xác đến trình độ cổ điển Hướng dẫn chấm: - Thí sinh bày tỏ được nhận xét một cách hợp lí và thuyết phục: 1,0 điểm. Thí sinh trả lời chung chung không rõ ý: 0,5 điểm. - Thí sinh không trả lời hoặc trả lời không đúng: không cho điểm.	1.0
	5	<i>Thí sinh có thể đưa ra quan điểm khác nhau nhưng cần đảm bảo tính thuyết phục, không vi phạm các chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Sau đây là gợi ý:</i> - Với chí khí anh hùng, hoài bão lớn lao và niềm tin chắc chắn làm nên sự nghiệp lớn trong một khoảng thời gian không xa, Từ Hải đã đem đến cho Kiều không phải cái rung động chớm hé của buổi ban đầu như Kim Trọng, không phải cuộc sống bình thường như Thúc Sinh, mà thức dậy ở Kiều những điều mà người khác không có được: đó là khát vọng về lẽ công bằng chính nghĩa. - Với lời động viên, lo lắng rất đổi chân tình, Từ Hải lại mang đến cho Kiều niềm hạnh phúc được quan tâm, được yêu thương. Nếu chí khí anh hùng làm nên một Từ Hải rất đổi phi thường thì tình cảm yêu thương chân thành sâu nặng lại làm nên một Từ Hải rất đổi đời thường. Vì vậy mà người anh hùng Từ Hải hiện lên lớn lao, kì vĩ mà vẫn gần gũi, thân thương. Hướng dẫn chấm: - Thí sinh trả lời như đáp án : 1,0 điểm. - Thí sinh trả lời được 1 ý : 0,5 điểm. - Thí sinh không trả lời: không cho điểm.	1.0
II		LÀM VĂN	6.0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh(chị) về ý nghĩa của việc bạn chính là người làm chủ số phận mình.	2.0
		c. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng(khoảng 150 chữ) của đoạn văn .Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Ý nghĩa của việc bạn chính là người làm chủ số phận mình.	0.25

	<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý : Ý nghĩa của việc bạn chính là người làm chủ số phận mình. - Bày tỏ quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: * Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Chính bạn là người làm chủ và quyết định số phận của bản thân. Dẫn dắt câu nói; "..." * Giải thích: - Số phận có thể hiểu một cách đơn giản là sự sắp đặt từ trước của một thế lực siêu nhiên nào đó đối với cuộc đời một người. Theo đó, cuộc đời người này sẽ diễn ra đúng như sự định đoạt. Vui vẻ, hạnh phúc, khổ đau tất cả đều dựa vào sự sắp đặt. - Làm chủ là tự mình quyết định cuộc sống của mình, không dựa dẫm hay bị chi phối bởi bất cứ yếu tố nào. - Số phận mỗi con người do chính bản thân nắm giữ quyết định. Cuộc đời một người có vui hay buồn, khổ đau hay hạnh phúc là do chính bản thân họ tạo ra, nắm bắt và quyết định. * Ý nghĩa của việc bạn chính là người làm chủ số phận mình. - Làm chủ số phận mình. Khi có cách nhìn lạc quan, thái độ sống tích cực cuộc sống sẽ trở nên tươi đẹp hơn, đáng sống hơn... - Làm chủ số phận mình con người sẽ luôn có ý chí, nghị lực để không bao giờ chịu đầu hàng trước số phận con người sẽ tạo ra những điều tuyệt vời, một cuộc sống có ý nghĩa. - Có thể xoay chuyển cuộc đời theo cách ta mong muốn. Không gì có thể ngăn cản được bước tiến nếu khao khát thành công của bản thân thật sự mạnh mẽ. Khó khăn hay thất bại chỉ là những trở ngại mà cuộc sống muốn thử thách ý chí và lòng kiên trì của mỗi cá nhân. - Đề cao những con người có tư duy tích cực, biết nắm bắt tự làm chủ cuộc đời mình. - (Nêu và phân tích dẫn chứng tiêu biểu) * Phê phán lối tư duy ỷ lại, luôn phó mặc hoặc chỉ biết đổ lỗi cho số phận... Trước khi đổ lỗi cho số phận, bạn hãy tự nhìn lại bản thân xem thử mình đã làm được gì, đã vấp phải những sai lầm nào để từ đó có đánh giá chính xác, khách quan làm cơ sở cho sự hoàn thiện bản thân, hướng tới cuộc sống tốt đẹp. * Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc có thể diễn đạt khác nhưng hợp lí, thuyết phục đạt 0,5 điểm. - HS trả lời được 01 ý đạt 0,25 điểm.	0.5
	<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau :</i>	0.5

	-Lựa chọn được các thao tác lập luận ,phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận : “Bạn chính là người làm chủ số phận mình”. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý -Lập luận chặt chẽ ,thuyết phục: lí lẽ xác đáng ;bằng chứng tiêu biểu,phù hợp ;kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
	<i>đ.Diễn đạt :</i> Đảm bảo chính tả,dùng từ ,ngữ pháp tiếng Việt ,liên kết câu trong đoạn văn .	0.25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận,có cách diễn đạt mới mẻ .	0.25
2	Viết một bài nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “ <i>Chí khí anh hùng</i> ” - trích <i>Truyện Kiều</i> , Nguyễn Du.	4.0
	<i>a.Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài :</i> <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài : nghị luận văn học</i>	0,25
	<i>b.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận :</i> phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “<i>Chí khí anh hùng</i>” - trích <i>Truyện Kiều</i>, Nguyễn Du.	0,5
	- Phân tích, đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ: <i>Thí sinh có thể nêu cảm nhận, phân tích, đánh giá đoạn thơ theo nhiều cách hoặc theo quan điểm cá nhân,cần đảm bảo các ý cơ bản sau:</i> *Giới thiệu vấn đề cần nghị luận : Tác giả,tác phẩm, giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích “<i>Chí khí anh hùng</i>” - trích <i>Truyện Kiều</i>, Nguyễn Du. *Phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn trích : Đoạn thơ đã khắc hoạ hình ảnh người anh hùng Từ Hải – một con người có chí khí, có ước mơ, hoài bão, sự tự tin và quyết tâm làm nên nghiệp lớn nhưng cũng g bút có một trái tim tha thiết yêu thương. Qua hình tượng Từ Hải, ta thấy được cảm hứng ngợi ca và bút pháp ước lệ, lí tưởng hoá nhân vật đầy sáng tạo của Nguyễn Du: - Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bên nàng Kiều tài sắc cũng không níu giữ được Từ Hải. Chỉ thời gian ngắn (nửa năm) chàng đã mong muốn ra đi để tạo dựng sự nghiệp lớn, sự nghiệp của người anh hùng, đáng trọng phu. - Tâm nhìn và tư thế lúc lên đường của Từ Hải đã được đo bằng tầm vóc vũ trụ (trời bể mênh mang) và sự cương quyết, dứt khoát (lên đường thẳng rong). - > “Con người Từ Hải không phải là con người của một làng, một họ, mà là con người của trời đất, của bốn phương” (Hoài thanh). - Cuộc đối thoại giữa Thúy Kiều và Từ Hải: + Thúy Kiều viện dẫn đạo phu thê (phận gái chữ tòng) xin đi theo. Từ Hải viện đạo tri kỉ (tâm phúc tương tri) để từ chối, khuyên Kiều vượt lên lẽ thường, xứng đáng làm vợ người anh hùng. + Từ Hải hứa hẹn trở về với một cơ đồ to lớn, trong cảnh chiến thắng hào hùng (mười vạn tinh binh, tiếng chiêng dậy đất - bóng tinh rợp đường...). Lời	1.0

	hứa đó thể hiện khát vọng to lớn và sự tự tin của người anh hùng. - > Ước mơ sự nghiệp của Từ Hải gắn với hạnh phúc gia đình. - Tư thế ra đi mạnh mẽ, dứt khoát: diễn tả bằng hình ảnh ước lệ tượng trưng. cánh chim bằng vượt gió. Hình ảnh “chim bằng” lướt theo gió mây trên biển khơi bát ngát là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng về người anh hùng lí tưởng cao đẹp, hùng tráng, phi thường, mang tầm vóc vũ trụ. Đó chính là ước mơ của Nguyễn Du – ước mơ về tự do và công lí gửi vào hình ảnh lãng mạn Từ Hải. * Nghệ thuật: - Từ ngữ: dùng nhiều từ Hán Việt mang sắc thái trang trọng, ngợi ca. - Hình ảnh: to lớn, kì vĩ mang tầm vóc vũ trụ. - Bút pháp miêu tả theo khuynh hướng lí tưởng hoá... * Đánh giá chung: Qua nhân vật Từ Hải, Nguyễn Du muốn gửi gắm: + Ước mơ về một người anh hùng lí tưởng, có phẩm chất phi thường. + Khát vọng tự do, khát vọng công lí.	
	d.Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau : -Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân -Lựa chọn được các thao tác lập luận,phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận . -Lập luận chặt chẽ ,thuyết phục : lí lẽ xác đáng ;bằng chứng tiêu biểu,phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý : Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ ,quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật .	1, 5
	d.Diễn đạt : Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ,ngữ pháp tiếng Việt,liên kết văn bản	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	TỔNG ĐIỂM	10.0

.....**HẾT**

ĐỀ 4 .

I.PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hỗn hào, lười biếng, má nó彪: "Lại coi thằng Hết kia! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương".

[...] Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sôi lửa. Ông già khó tính, thêm tật lẳng tai. Người ta mời ông ngồi, ông cười, xua

tay: "Ăn rồi. Ăn cơm với thằng Hết rồi". Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tìm nhem để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông Tà một chút [...].

Bữa nào anh Hết cũng chổng mông thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mõi mõi, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giờ cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ậng nước. Anh thương tía quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng [...]. Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, " Chớ ầu ơ... Cây khô đâu dễ mọc chồi...". Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tung đuổi nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiếu thảo hết mình [...]

(Trích Hiu hiu gió bắc, Nguyễn Ngọc Tư, Fanpage Nguyễn Ngọc Tư đăng ngày 13/08/2015)

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản .

Câu 2. Liệt kê một số chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật cha anh Hết.

Câu 3. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 4. Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật anh Hết được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Qua văn bản, hãy nêu một thông điệp mà anh/chị thấy có ý nghĩa nhất với cuộc sống hôm nay và giải thích lí do.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) : Anh(chị) hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau :

*Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao.*

(Trích Trong lời mẹ hát – Trương Nam Hương)

Câu 2. (4,0 điểm) : Từ gợi ý phần đọc hiểu ,anh(chị) hãy viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của gia đình đối với mỗi người trong cuộc sống.

.....**HẾT**

ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4.0
	1	Ngôi kể của văn bản : Ngôi thứ 3. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng đáp án: không cho điểm.	0.5
	2	Liệt kê một số chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật cha anh Hết: tật lẳng tai; mắt mũi tèm nhèm; đầu bạc. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời từ 02 chi tiết hoặc như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 01 chi tiết: 0,25 điểm	0.5
	3	Chủ đề của văn bản: - Ca ngợi tình cảm cha con sâu nặng, cao đẹp, đáng quý. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Học sinh chỉ nêu được chủ đề về lòng hiếu thảo của anh Hết: 0,5 điểm.	1.0
	4	Nhận xét một phẩm chất nổi bật của nhân vật anh Hết: Gợi ý - Chỉ ra được một phẩm chất nổi bật của anh Hết: + Hoặc chịu thương chịu khó: Không chê việc gì, ngày đi làm thuê, làm mướn, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già. + Hoặc rất mực yêu thương cha: Chăm sóc cha chu đáo, luôn muốn làm cha vui, phần cá nạc cho cha...	1.0

		- Nhận xét về phẩm chất nổi bật của nhân vật đã chỉ ra: + Ý nghĩa, vai trò của phẩm chất ấy đối với cộng đồng:... + Tác động của phẩm chất ấy đối với bản thân học sinh:... Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm - Học sinh nêu được phẩm chất mà không nhận xét: 0,25 điểm. - Học sinh nhận xét mà không chỉ ra được phẩm chất nổi bật của nhân vật: 0,75 điểm 0,25 0,75	
	5	HS nêu một thông điệp có ý nghĩa nhất với cuộc sống hôm nay: + Hãy yêu thương, quan tâm, chăm sóc cha mẹ + Sống có trách nhiệm với gia đình. ... - Lí giải một cách hợp lí và thuyết phục... + Thể hiện lòng biết ơn với công lao sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ vừa khẳng định lòng hiếu thảo, sự trưởng thành, biết suy nghĩ, biết sống đúng đắn. ... Hướng dẫn chấm: - Học sinh rút ra được thông điệp: 0,25 điểm. - Học sinh lí giải thuyết phục: 0,75 điểm. - Học sinh có thể rút ra thông điệp khác so với đáp án nhưng phù hợp với nội dung văn bản thì giám khảo vẫn cho điểm.	1.0
II		LÀM VĂN	6.0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ trích “ <i>Trong lời mẹ hát</i> ” – <i>Trương Nam Hương</i>	2.0
		<i>d. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : nội dung và nghệ thuật của của đoạn thơ trích “<i>Trong lời mẹ hát</i>” – <i>Trương Nam Hương</i></i>	0.25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý : - Giới thiệu về nhà thơ Trương Nam Hương- nhà thơ viết hay về quê hương, về mẹ và thế giới tuổi thơ, bài thơ “<i>Trong lời mẹ hát</i>” , đoạn thơ cần phân tích. -Phân tích, đánh giá về nội dung của đoạn thơ : Đoạn thơ bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ về người mẹ. Hình ảnh mái tóc mẹ bạc trắng vì thời gian làm con xúc động đến nôn nao . Lưng mẹ còng dần xuống để cho con thêm cao lớn , trưởng thành. Đó là hiện thân của những vất vả, gian nan , những hi sinh thầm lặng của mẹ để nuôi con , dạy bảo con khôn lớn thành người. Qua đó, nhà thơ thể hiện tình cảm biết ơn chân	0.5

	thành,sâu sắc,trân trọng người mẹ của mình,nỗi buồn,xót xa trước sự vô tình của thời gian làm cho mẹ một già hơn,yếu đi. - Phân tích,đánh giá về nghệ thuật của đoạn thơ : +Biện pháp nhân hóa : “Thời gian chạy qua tóc mẹ”giúp hình ảnh thời gian vô hình trở nên có hồn,sinh động,cụ thể mang hành động như con người lột tả những thay đổi trên mái tóc của mẹ qua năm tháng +Nghệ thuật đối lập : “Lưng mẹ cứ còng dần xuống -Cho con ngày một thêm cao”nhấn mạnh sự đối lập giữa những vất vả ,hi sinh của mẹ và sự trưởng thành ,khôn lớn của con cái. +Ngôn ngữ mộc mạc ,chân thành nhưng giàu tính tạo hình ,hình ảnh thơ giàu giá trị biểu cảm . + Giọng thơ tha thiết, man mác buồn,xót xa trước sự vô tình của thời gian làm cho mẹ một già hơn,yếu đi. - Đánh giá chung : Đoạn thơ ngắn ,hàm súc nhưng thông điệp bài thơ nhắn nhủ tới người đọc thật sâu sắc,cao cả : Cần biết ơn ,trân trọng người mẹ của mình. +Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn	
	<i>d.Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau :</i> -Lựa chọn được các thao tác lập luận ,phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận : những điểm giống nhau về nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý -Lập luận chặt chẽ ,thuyết phục: lí lẽ xác đáng ;bằng chứng tiêu biểu,phù hợp ;kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0. 5
	<i>đ.Diễn đạt :</i> Đảm bảo chính tả,dùng từ ,ngữ pháp tiếng Việt ,liên kết câu trong đoạn văn .	0.25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận,có cách diễn đạt mới mẻ .	0.25
2	Viết bài văn nghị luận khoảng (400 chữ) bày tỏ ý kiến của anh(chị) về vai trò của gia đình đối với mỗi người trong cuộc sống.	4.0
	<i>a.Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài :</i> <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài : nghị luận xã hội</i>	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận :</i> Vai trò của gia đình đối với mỗi người trong cuộc sống.	0,5
	<i>c.Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> -Xác định được các ý chính của bài viết -Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận : *Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề . *Triển khai vấn đề nghị luận -Giải thích vấn đề : Gia đình là gì ?	1.0

	+Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng của mỗi con người. Chúng ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một nơi duy nhất để về đó chính là gia đình. Chính vì vậy, gia đình được xem là ngôi nhà thân yêu và thiêng liêng nhất trên cuộc đời này, chứa chan biết bao kỷ niệm tươi đẹp của thời thơ ấu mà chúng ta không thể nào quên, kỷ niệm đó sẽ theo mãi trong tâm trí của mỗi người. +Gia đình là tập hợp những người thân quen, gần gũi với chúng ta, gia đình chính là một tổ chức nhỏ nhất một tế bào tạo nên tập thể, cộng đồng, xã hội. Trong gia đình có sự liên kết với nhau từ những mối quan hệ huyết thống và công ơn nuôi dưỡng . -Vai trò của gia đình đối với mỗi người trong cuộc sống +Gia đình mang đến cho ta cảm giác được che chở, bao bọc, mái ấm gia đình và tình cảm gia đình được xem như là kho tàng quý báu mà không nơi nào có thể so sánh được. +Gia đình là nơi giúp con người hình thành nhân cách.Việc thiếu trách nhiệm trong giáo dục con cái trong gia đình có thể được xem là nguyên nhân cơ bản nhất khiến chúng hư hỏng. Ngược lại gia đình có giáo dục tốt ,quan tâm con cái sẽ hình thành ở con cái những phẩm chất tốt đẹp.Gia đình là nơi giữ gìn, vun đắp, phát huy những giá trị truyền thống quý báu của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam đã hình thành trong quá trình lịch sử dựng nước, giữ nước. Đó là lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, thủy chung, hiếu nghĩa, hiếu học, cần cù, sáng tạo trong lao động, bất khuất kiên cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách,... + Gia đình là nơi chứa đựng biết bao nhiêu tình cảm thân thương, chân thành nhất của cả một đời người. Chính tình yêu thương, che chở bao bọc của gia đình giúp ta vượt qua được mọi khó khăn thử thách trong cuộc sống để thành công hay cả ngay khi chúng ta thất bại .Gia đình là điểm tựa tinh thần tuyệt vời nhất đối với mỗi cá nhân. + Gia đình giữ vai trò nền tảng, tế bào của xã hội .Gia đình có vai trò quyết định đối với sự hình thành và phát triển của xã hội. Những chuẩn mực giá trị tốt đẹp của gia đình được tiếp nhận, phát triển góp phần xây dựng, tô thắm, làm rạng rỡ thêm bản sắc văn hóa dân tộc. - Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng như vậy nhưng có những người không coi trọng gia đình ,bạc đãi đối với ông bà,cha mẹ,anh chị em hay cũng vẫn còn cha mẹ sống thiếu trách nhiệm với con cái thật đáng phê phán * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân Bởi vậy, mỗi chúng ta khi còn có gia đình hãy biết quý trọng, gìn giữ và vun đắp tình cảm ấy thật tốt đẹp bởi vì tình cảm gia đình là thiêng liêng, cao quý nhất. Không có gì hạnh phúc và đáng quý hơn khi sống dưới một mái ấm gia đình hạnh phúc, đầy ắp tiếng cười đùa vui vẻ. Vì vậy, mỗi cá nhân hãy biết yêu thương và thực hiện trách nhiệm, làm tốt vai trò bổn phận của mình đối với người thân trong gia đình .	
--	---	--

	d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau : -Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân -Lựa chọn được các thao tác lập luận,phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận . -Lập luận chặt chẽ ,thuyết phục : lí lẽ xác đáng ;bằng chứng tiêu biểu,phù hợp ;kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý : Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ ,quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật .	1, 5
	d.Diễn đạt : Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ,ngữ pháp tiếng Việt,liên kết văn bản	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
	TỔNG ĐIỂM	10.0

.....**HẾT**

LƯU Ý: Kiểu bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, ngoài đoạn trích, tác phẩm văn học, GV hướng dẫn HS ôn tập, bám sát khung ý SGK:

* **Mở bài:** Giới thiệu bộ phim (vở kịch, bài hát) và nêu khái quát điểm đặc sắc.

* **Thân bài:** Nêu các ý cụ thể phân tích bộ phim (vở kịch, bài hát):

+ Phân tích nội dung, ý nghĩa của bộ phim (vở kịch, bài hát).

+ Phân tích các điểm đặc sắc về hình thức bộ phim (vở kịch, bài hát).

+ Nêu các nhận xét của người viết về thành công và hạn chế của bộ phim (vở kịch, bài hát).

* **Kết bài:** Nêu đánh giá khái quát về bộ phim (vở kịch, bài hát): giá trị thời sự, hiệu quả tác động tới người xem, dư luận xã hội về bộ phim...

TRÊN ĐÂY CHỈ LÀ GỢI Ý ÔN TẬP,THẦY CÔ CẦN CỨ VÀO TÌNH HÌNH THỰC TẾ LỚP DẠY ĐỂ ÔN TẬP CHO HỌC SINH.